

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** Tổ 3, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Cảnh Tùng - Địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Minh - Địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 08/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 08/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,20	7,24	7,27	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,54	0,60	0,80	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,72	0,61	0,40	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,00	1,00	1,00	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,01	1,03	1,12	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,51	5,75	5,89	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	79,0	79,0	80,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	7,66	7,66	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	80,0	82,0	83,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Trường
- Địa chỉ:** Tổ 3, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Phạm Cảnh Tùng - Địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Minh - Địa chỉ: thôn Liên Trung, xã Xuân Trường, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 08/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 08/9/2025 đến 10/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC

PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 02



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
- Địa chỉ:** Tổ dân phố Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của chi nhánh cấp nước trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trịnh Thị Thim - Địa chỉ: xóm 7, Thọ Nghiệp, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Lê Trung Hiếu - Địa chỉ: thôn Duyên Thọ, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Phạm Văn Thắng - Địa chỉ: xóm Mỹ Bình, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản $2^{\circ} - 8^{\circ}\text{C}$ (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 08/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 08/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,41	7,48	7,51	7,56	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,50	0,52	0,52	0,87	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,69	0,63	0,59	0,44	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,00	1,00	1,00	1,17	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B									
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,991	1,00	1,03	1,07	Đạt
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,31	5,68	5,72	5,92	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	80,0	80,0	80,0	81,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	7,66	8,02	8,02	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	81,0	82,0	84,0	86,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- 1. Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Giao Thủy
2. Địa chỉ: TDP Quyết Tiến 2, xã Giao Thủy, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trịnh Thị Thim - Địa chỉ: xóm 7, Thọ Nghiệp, xã Xuân Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Lê Trung Hiếu - Địa chỉ: thôn Duyên Thọ, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 3:
Phạm Văn Thắng - Địa chỉ: xóm Mỹ Bình, xã Giao Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- 5. Ngày lấy mẫu:** 08/9/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Thị Thắm
7. Thời gian thử nghiệm: 08/9/2025 đến 10/9/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01- 1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Tại hộ KHSD số 3	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187 - 1:2019	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Xuân Tân
- Địa chỉ:** Xóm 4, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Khang - Địa chỉ: xóm 13, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Thị Nụ - Địa chỉ: xóm 13, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 08/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thị Ân
- Thời gian thử nghiệm:** 08/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,52	7,54	7,60	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,30	0,51	0,70	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,60	0,40	0,37	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,00	1,00	1,00	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,770	0,799	0,822	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	8,02	8,13	8,23	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	88,0	88,0	88,0	Đạt
13	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	8,38	8,75	8,75	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	KPH	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	90,0	92,0	95,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 03



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Xuân Tân
2. Địa chỉ: xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Khang - Địa chỉ: xóm 13, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Phạm Thị Nụ - Địa chỉ: xóm 13, xã Xuân Giang, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.
5. Ngày lấy mẫu: 08/9/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Nguyễn Thị Ân
7. Thời gian thử nghiệm: 08/9/2025 đến 10/9/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Đông - Địa chỉ: thôn Đồng Tâm, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Văn Lĩnh - Địa chỉ: thôn Tiền Phong I, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:
+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 08/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 08/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,60	7,42	7,47	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,17	0,24	0,29	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,67	0,41	0,20	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,01	1,08	1,10	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,28	6,19	6,36	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	84,0	84,0	84,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	7,66	7,66	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F.D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1.000	SMEWW 2540C:2023	83,0	85,0	88,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 04



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa An
- Địa chỉ:** Thôn Đại An, phường Hồng Quang, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Đông - Địa chỉ: thôn Đồng Tâm, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Trần Văn Lĩnh - Địa chỉ: thôn Tiền Phong I, phường Vị Khê, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 08/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 08/9/2025 đến 10/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Nam Dương
2. Địa chỉ: Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Nghi - Địa chỉ: thôn Chiền A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Văn Vi - Địa chỉ: thôn Xứ Trường, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:
+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 09/9/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
7. Thời gian thử nghiệm: 09/9/2025 đến 03/10/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,77	7,84	7,89	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,28	0,36	0,44	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,55	0,50	0,45	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,00	1,00	1,00	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,03	1,10	1,14	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,78	6,02	6,23	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	83,0	83,0	83,0	Đạt
13	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	7,66	7,66	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	82,0	83,0	87,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 05



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nam Dương
- Địa chỉ:** Thôn Thi Châu A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Nguyễn Văn Nghi - Địa chỉ: thôn Chiền A, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Văn Vi - Địa chỉ: thôn Xứ Trường, xã Nam Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 09/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 09/9/2025 đến 11/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đình Văn Quỳnh - Địa chỉ: thôn Đông Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Thị Liên - Địa chỉ: thôn Tân Thọ Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 10/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 10/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,54	7,60	7,63	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,28	0,39	0,45	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,52	0,44	0,35	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,00	1,00	1,00	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,979	1,01	1,04	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	9,14	9,38	9,45	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	87,0	87,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	8,02	8,38	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	0,043	0,043	0,044	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,282	0,283	0,285	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	91,0	95,0	97,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thí nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thí nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Nghĩa Hưng
- Địa chỉ:** Xóm 2, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Đình Văn Quỳnh - Địa chỉ: thôn Đông Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Thị Liên - Địa chỉ: thôn Tân Thọ Liễu Đề, xã Nghĩa Hưng, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 10/9/2025 đến 12/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




PHẠM THỊ HẰNG

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỹ Nhất
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Hiệp - Địa chỉ: tổ dân phố 2, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Văn Thuần - Địa chỉ: tổ dân phố 9, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

- Ngày lấy mẫu:** 10/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 10/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi*	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,42	7,48	7,52	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,17	0,23	0,48	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,88	0,83	0,35	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,33	1,33	1,33	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,838	0,907	0,930	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,38	7,68	7,82	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	87,0	88,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	8,38	8,38	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	90,0	92,0	96,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Quỹ Nhất
- Địa chỉ:** TDP 9, xã Quỹ Nhất, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Văn Hiệp - Địa chỉ: tổ dân phố 2, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Phạm Văn Thuận - Địa chỉ: tổ dân phố 9, xã Rạng Đông, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 10/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Thị Thắm
- Thời gian thử nghiệm:** 10/9/2025 đến 12/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** Tổ dân phố 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:

Trần Thị Hiền - Địa chỉ: Thôn 1 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình

- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:

Nguyễn Văn Nghĩa - Địa chỉ: Xóm Tây Lễ, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 04/9/2025

6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải

7. Thời gian thử nghiệm: 04/9/2025 đến 03/10/2025

8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,90	7,94	7,99	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,20	0,23	0,24	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,83	0,60	0,59	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,833	0,833	0,833	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,999	1,03	1,06	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	10,1	10,2	10,4	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	131,0	131,0	131,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	13,5	13,5	13,5	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,277	0,279	0,299	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	210,0	217,0	219,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 694, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,0003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Định
- Địa chỉ:** TDP 4, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Thị Hiền - Địa chỉ: Thôn 1 Yên Định, xã Hải Hậu, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Văn Nghĩa - Địa chỉ: Xóm Tây Lễ, xã Hải Hưng, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 04/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 04/9/2025 đến 08/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSĐ số 1	Tại hộ KHSĐ số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm



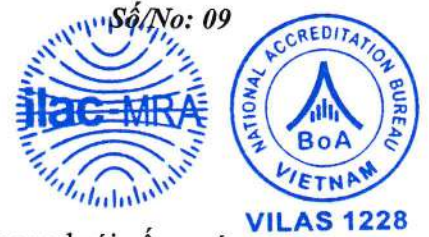

**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
2. **Địa chỉ:** Xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Hùng Cường - Địa chỉ: xóm 5, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Văn Tiên - Địa chỉ: xóm 6, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C. (xét nghiệm lý hóa).

5. **Ngày lấy mẫu:** 04/9/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
7. **Thời gian thử nghiệm:** 04/9/2025 đến 03/10/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	6,0	6,0	6,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,23	7,26	7,32	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,18	0,22	0,25	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	SMEWW 3030E, 3030F, 3125B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l,	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,73	0,59	0,55	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,17	1,17	1,17	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,20	1,22	1,25	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	100,0	100,0	100,0	Đạt
13	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	22,2	22,6	22,6	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	0,061	0,061	0,061	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,272	0,284	0,285	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	215,0	217,0	220,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân

KT. GIÁM ĐỐC



(Chữ ký)
**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 694, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,0003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 09



VILAS 1228

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Hải Toàn
- Địa chỉ:** xóm 3, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại đầu vòi máy phát nước thành phẩm cấp ra mạng
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Nguyễn Hùng Cường - Địa chỉ: xóm 5, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Văn Tiến - Địa chỉ: xóm 6, xã Hải An, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 04/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 04/9/2025 đến 08/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas.
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** Thôn Trung Phú, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Văn Nhân - Địa chỉ: Xóm 5, Thôn Định Trạch, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Bùi Thị Thiết - Địa chỉ: Thôn Phố Xuân, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:**
 - Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).
- Ngày lấy mẫu:** 09/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 09/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,85	7,88	7,94	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,15	0,36	0,95	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,86	0,78	0,73	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,667	0,667	0,667	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,13	1,18	1,24	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,17	5,45	5,72	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	85,0	85,0	85,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	7,66	7,66	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	84,0	87,0	89,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Ân




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Liên Bảo
- Địa chỉ:** thôn Trung Phu, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Văn Nhân - Địa chỉ: Xóm 5, Thôn Định Trạch, phường Trường Thi, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Bùi Thị Thiết - Địa chỉ: Thôn Phố Xuân, xã Hiền Khánh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 09/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 09/9/2025 đến 11/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** Thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Trần Ngọc Quế - Địa chỉ: TDP Bối Trung, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Đặng Đình Tuấn - Địa chỉ: TDP An Lộc, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:

 - Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).
- Ngày lấy mẫu:** 09/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 09/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**



TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,80	7,86	7,87	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,15	0,38	0,53	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,92	0,67	0,58	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,667	0,667	0,667	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,10	1,13	1,18	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,61	5,75	6,46	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	86,0	86,0	86,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	7,66	7,66	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	0,283	0,300	0,327	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	86,0	88,0	90,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

(Chữ ký)

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfua: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Mỹ Lộc
- Địa chỉ:** thôn Vòng Quang, phường Đông A, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Trần Ngọc Quế - Địa chỉ: TDP Bối Trung, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Đặng Đình Tuấn - Địa chỉ: TDP An Lộc, phường Mỹ Lộc, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 09/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Nguyễn Thúy Nga
- Thời gian thử nghiệm:** 09/9/2025 đến 11/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- 1. Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Lộng
- 2. Địa chỉ:** Thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- 3. Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- 4. Mô tả mẫu:**
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Bùi-Văn Thiệp - Địa chỉ: xóm 14, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Thị Đào - Địa chỉ: thôn Quyết Tiến, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:*
- + Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).
- 5. Ngày lấy mẫu:** 10/9/2025
- 6. Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- 7. Thời gian thử nghiệm:** 10/9/2025 đến 03/10/2025
- 8. Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,70	7,76	7,80	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,28	0,35	0,40	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,91	0,68	0,54	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,00	1,00	1,00	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,986	1,06	1,20	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	6,97	7,68	7,89	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	87,0	87,0	88,0	Đạt
13	Clorua*	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	8,02	8,02	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	89,0	92,0	95,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 12



1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Yên Lộc
2. Địa chỉ: thôn Đông Tiền Phong, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:
- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Bùi Văn Thiệp - Địa chỉ: xóm 14, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Thị Đào - Địa chỉ: thôn Quyết Tiến, xã Yên Cường, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.
5. Ngày lấy mẫu: 10/9/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Vũ Thị Thu Trang
7. Thời gian thử nghiệm: 10/9/2025 đến 12/9/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



- Tên khách hàng:** Chi nhánh cấp nước Ý Yên - Trạm cấp nước Yên Quang
- Địa chỉ:** Thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**
 - Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1: Vũ Văn Nam - Địa chỉ: thôn Nhất Đoài, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
 - Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2: Nguyễn Thị Tâm - Địa chỉ: thôn Nhất Đoài, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Trong đó:**
 - Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).
- Ngày lấy mẫu:** 10/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
- Thời gian thử nghiệm:** 10/9/2025 đến 03/10/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I Mức độ giám sát A								
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,44	7,45	7,47	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,14	0,28	0,40	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,58	0,36	0,28	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	1,33	1,33	1,33	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	< 0,11	Đạt
II Mức độ giám sát B								
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	0,629	0,664	0,683	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	8,87	9,04	10,9	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	86,0	86,0	86,0	Đạt
13	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	13,5	13,5	13,9	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	96,0	97,0	99,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPnuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 13

1. **Tên khách hàng:** Nhà máy nước Yên Quang
2. **Địa chỉ:** thôn 3, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
3. **Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. **Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Văn Nam - Địa chỉ: thôn Nhất Đoài, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Nguyễn Thị Tâm - Địa chỉ: thôn Nhất Đoài, xã Ý Yên, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

5. **Ngày lấy mẫu:** 10/9/2025
6. **Người lấy/gửi mẫu:** Vũ Thị Thu Trang
7. **Thời gian thử nghiệm:** 10/9/2025 đến 12/9/2025
8. **Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN



Trần Thị Thắm

KT. GIÁM ĐỐC




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Tên khách hàng: Nhà máy nước Đại Thắng
2. Địa chỉ: Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
3. Loại mẫu: Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
4. Mô tả mẫu:



- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Thị Dung - Địa chỉ: Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Văn Thắng - Địa chỉ: Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó:
+ Các mẫu khi lấy đựng trong chai nhựa 1 lít có nắp đậy kín, bảo quản 2⁰ - 8⁰C (xét nghiệm lý hóa).

5. Ngày lấy mẫu: 08/9/2025
6. Người lấy/gửi mẫu: Trần Ngọc Hải
7. Thời gian thử nghiệm: 08/9/2025 đến 03/10/2025
8. Kết quả thử nghiệm:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
I	Mức độ giám sát A							
1	Màu sắc*	TCU	15	TCVN 6185:2015	< 5,0	< 5,0	< 5,0	Đạt
2	Mùi *	-	Không có mùi lạ	Ref: SMEWW 2150B:2023	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Không có mùi lạ	Đạt
3	pH*	-	6,0 - 8,5	TCVN 6492:2011	7,11	7,16	7,19	Đạt
4	Độ đục*	NTU	2	TCVN 12402-1:2020	0,76	0,92	0,99	Đạt
5	Asen**	mg/l	0,01	US EPA Method 6020B:2014	KPH	KPH	KPH	Đạt
6	Clo dư*	mg/l	0,2 - 1,0	SMEWW 4500 Cl.G:2023	0,58	0,24	0,21	Đạt
7	Permanganat*	mg/l	2	TCVN 6186:1996	0,500	0,500	0,500	Đạt
8	Amoni (NH ₃ và NH ₄ ⁺ tính theo N)*	mg/l	1	TCVN 6179-1:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
II	Mức độ giám sát B							
9	Nitrit (NO ₂ ⁻ tính theo N)*	mg/l	0,9	TCVN 6178:1996	KPH	KPH	KPH	Đạt
10	Nitrat (NO ₃ ⁻ tính theo N)*	mg/l	11	TCVN 6180:1996	1,05	1,10	1,13	Đạt

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
11	Sulfat*	mg/l	250	SMEWW 4500 SO ₄ ²⁻ .E.2023	5,85	5,89	7,96	Đạt
12	Độ cứng, tính theo CaCO ₃ *	mg/l	300	TCVN 6224:1996	80,0	80,0	80,0	Đạt
13	Clorua *	mg/l	250	TCVN 6194:1996	7,66	7,66	7,66	Đạt
14	Sắt*	mg/l	0,3	TCVN 6177:1996	< 0,04	< 0,04	< 0,04	Đạt
15	Mangan*	mg/l	0,1	TCVN 6002:1995	KPH	KPH	KPH	Đạt
16	Fluor*	mg/l	1,5	SMEWW 4500F ⁻ .D.2023	< 0,2	< 0,2	< 0,2	Đạt
17	Sunfua*	mg/l	0,05	SMEWW 4500S ²⁻ .F.2023	< 0,05	< 0,05	< 0,05	Đạt
18	Tổng chất rắn hòa tan*	mg/l	1000	SMEWW 2540C:2023	81,0	83,0	87,0	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

QUẢN LÝ KỸ THUẬT

KT. GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Ân



PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
3. KPH: không phát hiện; KQĐ: không quy định
4. Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 1228
5. Dấu ** là những chỉ tiêu được công nhận Vilas 028, do nhà thầu phụ thực hiện; Giới hạn phát hiện của Asen: 0,003 mg/L
6. Giới hạn phát hiện của Độ màu: 1,5 mg/L Pt; Sắt: 0,01 mg/L; Mangan: 0,013 mg/L; Nitrit (tính theo N): 0,002 mg/L; Nitrat (tính theo N): 0,07 mg/L; Amoni (tính theo N): 0,025 mg/L; Florua: 0,04 mg/L; Sunfat: 1,0 mg/L; Sunfua: 0,015 mg/L
7. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.

	CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NÔNG THÔN NAM ĐỊNH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u>
	Địa chỉ: 121 Lê Hồng Phong, phường Nam Định, tỉnh Ninh Bình	
	Điện thoại: 02283.528.175	Email: CTCPNuocsachntnamdinh@gmail.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số/No: 14



- Tên khách hàng:** Nhà máy nước Đại Thắng
- Địa chỉ:** thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Loại mẫu:** Nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt
- Mô tả mẫu:**

- Mẫu lấy tại bể chứa nước sạch đã xử lý của nhà máy trước khi đưa vào mạng lưới cấp nước
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 1:
Vũ Thị Dung - Địa chỉ: Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình
- Mẫu lấy tại vòi sử dụng trên mạng lưới cấp nước trước khi vào bể chứa hộ khách hàng sử dụng số 2:
Vũ Văn Thắng - Địa chỉ: Thôn Phong Vinh, xã Liên Minh, tỉnh Ninh Bình

Trong đó: Các mẫu đựng trong chai thủy tinh trung tính 250 ml đã được hấp sấy, bảo quản mẫu ở 2° - 8°C.

- Ngày lấy mẫu:** 08/9/2025
- Người lấy/gửi mẫu:** Trần Ngọc Hải
- Thời gian thử nghiệm:** 08/9/2025 đến 10/9/2025
- Kết quả thử nghiệm:**

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	QCVN 01-1:2024/ BYT	Phương pháp thử	Tại NM	Tại hộ KHSD số 1	Tại hộ KHSD số 2	Đánh giá
1	Coliform tổng số*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
2	E.coli*	CFU/100ml	< 1	TCVN 6187-1:2019	KPH	KPH	KPH	Đạt
3	Tụ cầu vàng*	CFU/100ml	< 1	SMEWW9213B:2023	KPH	KPH	KPH	Đạt
4	Trực khuẩn mủ xanh*	CFU/100ml	< 1	TCVN 8881:2011	KPH	KPH	KPH	Đạt

Ghi chú: QCVN 01-1:2024/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt

Ninh Bình, ngày 03 tháng 10 năm 2025

KIỂM NGHIỆM VIÊN

KT. GIÁM ĐỐC



Trần Thị Thắm




**PHÓ GIÁM ĐỐC
PHẠM THỊ HẰNG**

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Dấu * là những chỉ tiêu được công nhận Vilas
- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP cấp nước nông thôn Nam Định.